TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2022
V/v xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Vũ Quang Sáng.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Ngô Thị Hoa.**
Ông **Vũ Tùng Lâm.**

- Thư ký phiên toà: Bà **Bùi Thị Huyền** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Ông **Lộc Hồng Điệp** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 về việc xin ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31-8-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vi Thị Đ, sinh năm 1992. Vắng mặt có lý do
Trú quán: Thôn N, xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Bị đơn: Anh Ngô Đức A, sinh năm 1988. Vắng mặt không có lý do
Trú quán: Thôn N, xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/4/2022 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Vi Thị Đ trình bày: Chị và anh Ngô Đức A kết hôn với nhau từ năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có tình cảm yêu thương nhau. Vợ chồng có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 18/02/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng về làm ăn, sinh sống tại thôn 12 nay là thôn N, xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc, đến tháng 6 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh Đức A không tu chí làm ăn, thường xuyên rượu chè, không chăm lo cho gia đình. Từ đó vợ chồng xảy ra cãi, chửi nhau. Từ cuối năm 2019 đến nay chị Đ cùng các con bỏ về bên nhà bố mẹ đẻ của chị sinh sống, thỉnh thoảng anh Đức A có gọi điện hỏi thăm nhưng chỉ hỏi thăm con. Từ đó

vợ chồng sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay chị Đ xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Đức A nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đức A.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Đức A có ba người con chung là Ngô Thị Hồng V, sinh ngày 15/02/2012; Ngô Thị Kim N, sinh ngày 27/10/2013 và Ngô Đức T, sinh ngày 17/7/2017. Hiện các cháu Ngô Thị Hồng V và Ngô Thị Kim N đang ở cùng với tôi còn cháu Ngô Đức T đang ở cùng với anh Ngô Đức A. Nếu ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi cháu Ngô Thị Hồng V và cháu Ngô Thị Kim N còn anh Đức A nuôi dưỡng cháu Ngô Đức T. Nếu anh Đức A không nuôi con thì tôi nhận nuôi cả ba cháu. Nếu được nuôi con tôi không yêu cầu anh Đức A phải cấp dưỡng nuôi con. Về điều kiện nuôi con: Trước mắt tôi và các con sẽ ở cùng nhà bố mẹ đẻ của tôi, tôi cũng đang chuẩn bị xây nhà mới để mẹ con ra ở riêng. Hiện tôi đang làm công nhân nhà máy sợi chỉ may bao bì 27/7 tại xã P, huyện G, thành phố Hà Nội. Thu nhập bình quân là 10.000.000đ/1 tháng nên đủ điều kiện để nuôi các con ăn học.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Ngô Đức A đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần để anh Đức A thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập nhưng anh Đức A đều vắng mặt không có lý do chính đáng và không gửi văn bản cho Tòa án nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đ.

Ngày 15/7/2022 Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về nơi cư trú của anh Đức A, tình trạng hôn nhân của chị Đ và anh Đức A.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến cho rằng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Đức A đều không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, chị Đ có đơn xin xử vắng mặt, anh Đức A vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần, việc Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị Đ và anh Đức A là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về quan hệ hôn nhân, giải quyết cho chị Vi Thị Đ được ly hôn anh Ngô Đức A; về con chung, giao các con chung là Ngô Thị Hồng V, sinh ngày 15/02/2012; Ngô Thị Kim N, sinh ngày 27/10/2013 và Ngô Đức T, sinh ngày 17/7/2017 cho chị Vi Thị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Ngô Đức A không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Vi Thị Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các bên Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Vi Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ngô Đức A và yêu cầu giải quyết việc nuôi con. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn. Chị Đ, anh Đức A đều trú quán tại xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Ngô Đức A đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Đức A đều vắng mặt, chị Vi Thị Đ có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử, tại phiên tòa mở vào hồi 10 giờ 50 phút ngày 15/9/2022 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh Đức A vắng mặt không có lý do nên phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đức A theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Còn chị Đ có đơn xin xử vắng mặt nên căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự hội đồng xét xử vắng mặt chị Đ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Đức A và chị Vi Thị Đ kết hôn với nhau từ năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có tình cảm. Vợ chồng có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 18/02/2011, khi đăng ký kết hôn cả anh Đức A và chị Đ đều đủ điều kiện kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[4] Về mâu thuẫn vợ chồng: Xét thấy quá trình chung sống chị Đ và anh Đức A không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh Đức A không tu chí làm ăn, thường xuyên tụ tập bạn bè rượu chè, không chăm lo cho gia đình. Từ đó vợ chồng xảy ra cãi, chửi nhau. Từ tháng 6 năm 2019 đến nay chị Đ và hai con lớn đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Anh Đức A có thỉnh thoảng gọi điện hỏi thăm nhưng chỉ hỏi thăm các con. Từ đó vợ chồng sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là do chị Đ thực hiện. Tại biên bản xác minh ngày 15/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên xác định nội dung nêu trên là đúng. Điều này vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Vi Thị Đ là

có căn cứ nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Vi Thị Đ đối với anh Ngô Đức A.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có ba người con chung là Ngô Thị Hồng V, sinh ngày 15/02/2012; Ngô Thị Kim N, sinh ngày 27/10/2013 và Ngô Đức T, sinh ngày 17/7/2017. Hiện các cháu Ngô Thị Hồng V và Ngô Thị Kim Nđang ở cùng với chị Đ còn cháu Ngô Đức T đang ở cùng với anh Ngô Đức A. Khi ly hôn chị Đ nhận trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung mà không yêu cầu anh Đức A phải cấp dưỡng nuôi con. Nếu anh Đức A nhận nuôi cháu Ngô Đức T chị Đ cũng đồng ý. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án anh Đức A không đến Tòa án làm việc, không thể hiện nguyện vọng được nuôi con. Cháu V và cháu N có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ các cháu ly hôn. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con chung, Hội đồng xét xử thấy cần giao các con chung là Ngô Thị Hồng V, sinh ngày 15/02/2012; Ngô Thị Kim N, sinh ngày 27/10/2013 và Ngô Đức T, sinh ngày 17/7/2017 cho chị Vi Thị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Anh Ngô Đức A không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở anh Đức A thực hiện quyền này.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Do chị Vi Thị Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội.

Như vậy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và án phí là có căn cứ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a,b khoản 2 Điều 227; Điều 228; các điều 147; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị Đ đối với anh Ngô Đức A. Chị Vi Thị Đ được ly hôn anh Ngô Đức A.

2. Về con chung: Giao các con chung là Ngô Thị Hồng V, sinh ngày 15/02/2012; Ngô Thị Kim N, sinh ngày 27/10/2013 và Ngô Đức T, sinh ngày 17/7/2017 cho chị Vi Thị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến

khi mỗi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Ngô Đức A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tải sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Buộc chị Vi Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0001443 ngày 22/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị Vi Thị Đ đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND, THADS huyện;
- UBND X, H.V;
- Các đương sự;
- Lưu HS,TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Quang Sáng